

Bản án số: 1122/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Đặng Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Thị Mai Phương -Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 262/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24/10/2018, giữa;

Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Bà Dương Thị L trình bày:

Bà với ông H tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2004 do UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/4/2004.

Ông bà chung sống hạnh phúc được 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung với gia đình chồng khiến cuộc sống ngột ngạt, đồng thời bà L không H hợp với gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà đã cố gắng níu kéo, tìm mọi cách để cứu vãn tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không thể hàn gắn được. Từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương Bảo L1 sinh ngày 13/10/2005, sau ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Bà L khai không có.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

2. Bị đơn:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông H đến Tòa án trình bày ý kiến trong vụ án; nhưng ông H vắng mặt không lý do;

Tòa án tiếp tục hai lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt 2 lần không lý do.

Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập ông H tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 24 tháng 10 năm 2018, nhưng ông H vắng mặt không lý do.

Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai ngày 12 tháng 11 năm 2018 nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu được ly hôn với ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và rút lại toàn yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có.

Bị đơn: Đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2004 do UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/4/2004 thì quan hệ giữa bà L với ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà L xin ly hôn, xét đơn xin ly hôn của bà L là phù hợp với khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H và có yêu cầu được nuôi con chung, nên bà L tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H là người bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên ông H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Bà L xin ly hôn với ông H, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung khai bà không có.

Ông H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tham gia tố tụng trong vụ án xin ly hôn của bà L nhưng ông H không đến Tòa án.

Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn :

- Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với ông H và sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung
- Rút lại toàn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con ;
- Về tài sản chung và nợ chung bà L khai nhận không có.

Bị đơn:

Ông H vắng mặt không lý do nên không rõ yêu cầu và Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và dành quyền kháng cáo cho ông H theo luật định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Những mâu thuẫn vợ chồng, những lý do bà L đưa ra để xin ly hôn đều rằng không có thật; nhưng tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không thể xây dựng, vun đắp chỉ từ một bên mà phải từ sự đồng cảm, đồng lòng, hy sinh bản thân cùng sự ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc của cả hai người. Nay bà L xin ly hôn, ông H đã nhận được thông báo thụ lý về việc bà L xin ly hôn với ông, Tòa án triệu tập ông đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu; Tòa án triệu tập ông đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàng gần hạnh phúc vợ chồng; Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập ông H tham gia phiên tòa xét xử vụ án hai lần. Tất cả những lần triệu tập ông H mà Tòa án đã liệt kê bên trên nhằm mục đích để ông H trình bày ý kiến và nguyện vọng, để tạo điều kiện có cơ hội hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng những lần triệu tập đó ông H đều vắng mặt không lý do, điều này Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng ông H không còn muốn có cuộc sống hạnh phúc gia đình, không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với bà L, do vậy Hội đồng xét xử xét nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông H là giải pháp thỏa đáng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương Bảo L1, sinh ngày 13/10/2005. Sau ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; điều này phù hợp với nguyện vọng của con đã trình bày trong bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình ngày 01/8/2018, nên Hội đồng xét xử xét nghĩ nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án; và căn cứ mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết ghi trên;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và căn cứ mục 1.1 phần 1, mục II, Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết ghi trên.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị L đối với ông Nguyễn Văn H; bà L được ly hôn với ông H. (bà L và ông H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2004 do UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/4/2004).

2. Về con chung:

Sau ly hôn, bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dương Bảo L1, sinh ngày 13/10/2005, tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà L chưa yêu cầu.

- Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà Dương Thị L phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng là tạm ứng án phí do bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008193 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí, bà L nộp đủ án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị bản án theo điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh ;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- THA DS Q. Tân Bình ;
- UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Đức